



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG  
*Bureau of Accreditation (BoA)*  
HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM  
*Vietnam IB Accreditation Scheme (VIAS)*

**HƯỚNG DẪN ÁP DỤNG ISO/IEC 17020:2012  
CHO HOẠT ĐỘNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH**  
***GUIDELINE FOR APPLICATION OF ISO/IEC 17020:2012 FOR THE  
ACCREDITATION OF INSPECTION BODIES***

**Mã số: AGI 05**  
**Lần ban hành: 7.16**  
**Ngày ban hành:**

**1. Mục đích**

Tài liệu này cung cấp hướng dẫn chi tiết cho các điều khoản của tiêu chuẩn ISO/IEC 17020:2012, phù hợp với yêu cầu của Hệ thống công nhận tổ chức giám định VIAS, yêu cầu của Tổ chức Công nhận Phòng thí nghiệm Thế giới ILAC, Tổ chức Công nhận Phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương APLAC.

**Purpose**

This document provides guideline for the clauses of ISO/IEC 17020:2012 and complies with the VIAS requirements, ILAC requirements, APLAC requirements.

**2. Phạm vi áp dụng**

Tài liệu này được sử dụng làm chuẩn mực đánh giá công nhận tổ chức giám định của Hệ thống công nhận tổ chức giám định VIAS.

**Scope**

This document is used as criteria by VIAS assessing Inspection bodies.

**3. Tài liệu viện dẫn**

Tài liệu này được xây dựng trên cơ sở tài liệu ILAC-P15:06/2014.

**References**

ILAC-P15:06/2014

## 1. INTRODUCTION

### 1. GIỚI THIỆU

Tài liệu này cung cấp thông tin cho việc áp dụng tài liệu ISO/IEC 17020:2012 *Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu hoạt động của các tổ chức khác nhau thực hiện giám định* cho hoạt động công nhận các tổ chức giám định. Tài liệu này với mục đích được các cơ quan công nhận sử dụng trong đánh giá công nhận các tổ chức giám định cũng như các tổ chức giám định đang có nhu cầu điều hành hoạt động của mình nhằm đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn.

Để dễ dàng cho việc tham khảo, mỗi điểm lưu ý áp dụng được xác định theo các điều khoản tương ứng của ISO/IEC 17020 và hậu tố thích hợp, VD: 4.1.4a sẽ là điểm chú ý đầu tiên trong các yêu cầu của điều 4.1.4 của tiêu chuẩn.

Thuật ngữ “**phải**” được sử dụng xuyên suốt trong tài liệu này để chỉ những quy định, tương ứng với các yêu cầu của ISO/IEC 17020, hoặc trong một số trường hợp là yêu cầu về hoạt động của cơ quan công nhận trong ISO/IEC 17011, được coi là **bắt buộc**.

Thuật ngữ “**nên**” được sử dụng xuyên suốt trong tài liệu này để chỉ những quy định, mặc dù không bắt buộc, ILAC đưa ra theo nghĩa thừa nhận **cần phải** đáp ứng các yêu cầu. Thuật ngữ “**được**” được sử dụng với mục đích đôi khi chỉ sự cho phép. Thuật ngữ “**có thể**” được sử dụng để chỉ một khả năng hoặc năng lực. Tổ chức giám định mà hệ thống không tuân theo “**nên**” trong tài liệu này của ILAC sẽ chỉ thích hợp cho công nhận nếu họ có thể chứng minh với cơ quan công nhận các giải pháp của họ đáp ứng các điều khoản tương ứng của ISO/IEC 17020 một cách tương đương hoặc cách tốt hơn.

Với các hoạt động giám định chuyên ngành, VIAS sẽ ban hành thêm các yêu cầu bổ sung cho hoạt động công

This document provides information for the application of ISO/IEC 17020:2012 *Conformity assessment - Requirements for the operation of various types of bodies performing inspection* for the accreditation of inspection bodies. It is intended to be used by accreditation bodies assessing inspection bodies for accreditation as well as by inspection bodies seeking to manage their operations in a manner fulfilling the requirements for accreditation.

For ease of reference, each application note is identified by the relevant clause number of ISO/IEC 17020 and an appropriate suffix, e.g. 4.1.4a would be the first application note on the requirements of clause 4.1.4 of the standard.

The term “shall” is used throughout this document to indicate those provisions which, reflecting the requirements of ISO/IEC 17020, or in a few cases requirements for the operation of accreditation bodies in ISO/IEC 17011, are considered to be mandatory.

The term “should” is used throughout this document to indicate those provisions which, although not mandatory, are provided by ILAC as a recognized means of meeting the requirements. The term “may” is used to indicate something which is permitted. The term “can” is used to indicate a possibility or a capability. Inspection bodies whose systems do not follow the “should” guidance in this ILAC document will only be eligible for accreditation if they can demonstrate to the accreditation body that their solutions meet the relevant clause of ISO/IEC 17020 in an equivalent or better way.

Individual inspection schemes may specify additional requirements for accreditation.

nhận.

## 2. AUTHORSHIP

### 2. QUYỀN TÁC GIẢ

Ấn bản này do Ủy ban Giám định ILAC (IC) biên soạn và xuất bản sau cuộc bỏ phiếu bầu thành công của các thành viên ILAC năm 2014.

This publication was prepared by the ILAC Inspection Committee (IC) and endorsed for publication following a successful ballot of the ILAC voting membership in 2014.

## 3. IMPLEMENTATION

### 3. THỰC HIỆN

Với mục đích phù hợp với các quy định của của IAF/ILAC A2 điều 2.1.1, ký kết ILAC MRA phải áp dụng tài liệu này.

In order to comply with the provisions of IAF/ILAC A2 clause 2.1.1, signatories to the ILAC MRA shall implement this document.

## 4. TERMINOLOGY

### 4. THUẬT NGỮ

Thuật ngữ và định nghĩa trong ISO/IEC 17000 và ISO/IEC 17020 được áp dụng trong tài liệu này.

For the purposes of this document the terms and definitions given in ISO/IEC 17000 and ISO/IEC 17020 apply.

## 5. ÁP DỤNG ISO/IEC 17020:2012 5. APPLICATIONS OF ISO/IEC 17020:2012

### Phạm vi áp dụng Scope

- 1 Với các hoạt động giám định thuộc lĩnh vực chuyên ngành, VIAS sẽ đánh giá kết hợp với các văn bản pháp qui liên quan do chính phủ, các bộ quản lý chuyên ngành ban hành. VIAS không công nhận hoạt động giám định mà TCGĐ không có bằng chứng thực hiện trong thời gian 1 năm kể từ ngày đánh giá
- For specialized inspection activities, VIAS assess in conjunction with the relevant legal documents which issued by government, ministries... The inspection body that is unable to provide the evidences of inspection activities relevant to applying scope and/ or accredited scope within a year from the assessed date is not accredited and / or maintaining accredited scope by VIAS.

### Thuật ngữ và định nghĩa: Terms and definitions

- 3.1a Thuật ngữ “lắp đặt” được định nghĩa “kết nối các thành phần lắp ráp với nhau để cùng đạt được mục đích không thể đạt được bởi các thành phần riêng biệt”.
- The term “installation” may be defined as “a collection of components assembled to jointly achieve a purpose not achievable by the components separately”.

### Yêu cầu chung – Tính khách quan và độc lập General requirements - Impartiality and independence

- 4.1.3a Những rủi ro đến tính khách quan của tổ chức giám định phải được xem xét bất cứ khi nào mà rủi ro này có khả năng ảnh hưởng tới tính khách quan của tổ chức giám định hoặc nhân viên của tổ chức giám định.
- Risks to the impartiality of the inspection body shall be considered whenever events occur which might have a bearing on the impartiality of the inspection body or its personnel.
- 4.1.3b Tổ chức giám định cần phải mô tả bất kỳ mối liên hệ nào mà có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của mình theo mức độ liên quan, thông qua sơ đồ tổ chức hoặc hình thức khác.
- The inspection body should describe any relationships that could affect its impartiality to the extent relevant, using organisational diagrams or other means.

Ví dụ về các mối liên hệ có thể ảnh hưởng tới tính khách quan bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>- Mối liên hệ với tổ chức mẹ</li><li>- Mối liên hệ với các phòng ban trong cùng tổ chức</li><li>- Mối liên hệ với các công ty hoặc tổ chức có liên quan</li><li>- Mối liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền</li><li>- Mối liên hệ với khách hàng</li><li>- Mối liên hệ của nhân viên</li><li>- Mối liên hệ với các nhà thiết kế, sản xuất, cung cấp, lắp đặt, mua sắm, sở hữu, sử dụng và bảo trì các hạng mục giám định.</li></ul>	Examples of relationships that could influence the impartiality include: <ul style="list-style-type: none"><li>- Relationship with a parent organisation</li><li>- Relationships with departments within the same organization</li><li>- Relationships with related companies or organisations</li><li>- Relationships with regulators</li><li>- Relationships with clients</li><li>- Relationships of personnel</li><li>- Relationships with the organisations designing, manufacturing, supplying, installing, purchasing, owning, using or maintaining the items inspected.</li></ul>
--	--

4.1.5a Tổ chức giám định cần phải có văn bản cam kết nhấn mạnh đảm bảo tính khách quan trong việc thực hiện các hoạt động giám định của mình, quản lý các mâu thuẫn về lợi ích và đáp ứng mục đích giám định. Hành động của người lãnh đạo cao nhất không được phủ nhận cam kết này.

The inspection body should have a documented statement emphasising its commitment to impartiality in carrying out its inspection activities, managing conflicts of interest and ensuring the objectivity of its inspection activities. Actions emanating from the top management should not contradict this statement.

4.1.5b Lãnh đạo cao nhất công bố cam kết công bằng khách quan và công khai cam kết này.

One way for the top management to emphasise its commitment to impartiality is to make relevant statements and policies publicly available.

### **Yêu cầu về cơ cấu - Yêu cầu về quản trị**

#### **Structural requirements - Administrative requirements**

5.1.3a Tổ chức giám định cần phải mô tả hoạt động của mình bằng việc xác định các lĩnh vực và nội dung giám định (VD: phân nhóm/ đối tượng sản phẩm, quá trình, dịch vụ hoặc lắp đặt) và các giai đoạn giám định (xem ghi chú điều 1 trong tiêu chuẩn) và, khi thích hợp, các yêu cầu của nhà quản lý, tiêu chuẩn hoặc các yêu cầu cụ thể sẽ thực hiện.

The inspection body should describe its activities by defining the general field and range of inspection (e.g. categories/sub-categories of products, processes, services or installations) and the stage of inspection, (see note to clause 1 of the standard) and, where applicable, the regulations, standards or specifications

containing the requirements against which the inspection will be performed.

- 5.1.4a Mức độ dự phòng cần phải tương xứng với mức độ và bản chất trách nhiệm pháp lý nảy sinh từ hoạt động của tổ chức giám định. The level of provisions should be commensurate with the level and nature of liabilities that may arise from the inspection body's operations.

### Các yêu cầu về cơ cấu – Tổ chức và quản lý

#### Structural requirements - Organisation and management

- 5.2.2a Quy mô, cơ cấu, thành phần và quản lý của một tổ chức giám định, mối quan hệ, phải thích hợp với việc thực hiện các hoạt động trong phạm vi tổ chức giám định được công nhận. The size, structure, composition and management of an inspection body, taken together, shall be suitable for the competent performance of the activities within the scope for which the inspection body is accredited.

- 5.2.2b Cụm từ “Đề duy trì khả năng thực hiện các hoạt động giám định” hàm ý rằng tổ chức giám định phải thực hiện các bước để luôn có được thông tin một cách đầy đủ về sự phát triển công nghệ hoặc luật định liên quan đến các hoạt động của mình. “To maintain the capability to perform the inspection activities” implies that the inspection body shall take steps to keep it appropriately informed about applicable technical and/or legislative developments concerning its activities.

- 5.2.2c Tổ chức giám định phải duy trì khả năng và năng lực của mình đối với các hoạt động giám định không được thực hiện thường xuyên (thông thường với khoảng thời gian dài hơn một năm). Một tổ chức giám định có thể chứng minh khả năng và năng lực của mình cho các hoạt động giám định không thường xuyên này thông qua “giám định mô phỏng/ hoặc giả định” và/hoặc thông qua việc giám định trên các sản phẩm tương tự. Inspection bodies shall maintain their capability and competence to carry out inspection activities performed infrequently (normally with intervals longer than one year). An inspection body may demonstrate its capability and competence for inspection activities performed infrequently through ‘dummy inspections’ and/or through inspection activities conducted on similar products.

- 5.2.3a Tổ chức giám định phải luôn cập nhật sơ đồ tổ chức và /hoặc tài liệu nêu rõ các chức năng và các cấp quản lý có thẩm quyền đối với nhân sự thuộc tổ chức giám định. Sơ đồ cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ phải bao gồm các chi nhánh và/ hoặc Văn phòng đại diện. Vị trí của (những) người phụ trách The inspection body shall maintain an up-to-date organisational chart or documents clearly indicating the functions and lines of authority for staff within the inspection body. These organizational charts and/ or documents shall include branches and representative offices

	kỹ thuật và các thành viên của ban lãnh đạo điều hành liên quan trong điều 8.2.3 cần phải được thể hiện rõ trong sơ đồ hoặc văn bản.	relatvant to the Inspection body. The position of the technical manager(s) and the member of management referenced in clause 8.2.3 should be clearly shown in the chart or documents.
5.2.4a	Việc xác định các mối quan hệ của tổ chức giám định có thể liên quan đến việc cung cấp thông tin về nhân sự là những người thực hiện công việc cho cả tổ chức giám định và các đơn vị, phòng ban khác.	It may be relevant to provide information concerning personnel which carry out work tasks for both the inspection body and for other units and departments.
5.2.5a	Để được xem là “sẵn có”, nhân sự này phải được tuyển dụng và ký hợp đồng dài hạn.	In order to be considered as “available”, the person shall be either employed or otherwise contracted.
5.2.5b	Để đảm bảo các hoạt động giám định được thực hiện theo ISO/IEC 17020, người phụ trách kỹ thuật hoặc người được ủy quyền thay thế, phải có năng lực kỹ thuật cần thiết để hiểu rõ các vấn đề quan trọng trong quá trình thực hiện hoạt động giám định.	In order to ensure that the inspection activities are carried out in accordance with ISO/IEC 17020, the technical manager(s) and any deputy(ies), shall have the technical competence necessary to understand all significant issues involved in the performance of inspection activities.
5.2.6a	Trong một tổ chức mà sự vắng mặt của nhân sự chủ chốt làm ngưng công việc, thì không áp dụng yêu cầu có người đại diện thay thế.	In an organization where the absence of a key person causes the cessation of work, the requirement for having deputies is not applicable.
5.2.7a	Các vị trí liên quan đến hoạt động giám định là các giám định viên và các vị trí khác mà có thể có ảnh hưởng đến việc quản lý, thực hiện, lưu giữ hồ sơ hoặc báo cáo công việc giám định.	The position categories involved in inspection activities are inspectors and other positions which could have an effect on the management, performance, recording or reporting of inspections.
5.2.7b	Bản mô tả công việc hoặc các tài liệu khác phải nêu chi tiết nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của mỗi vị trí nêu trong phần 5.2.7a	The job description or other documentation shall detail the duties, responsibilities and authorities for each position category referred to in 5.2.7a.

**Yêu cầu về nguồn nhân lực – Nhân sự**  
**Resource requirements - Personnel**



- 6.1.1a Khi thích hợp, tổ chức giám định phải xác định và lập thành văn bản các yêu cầu về năng lực cho mỗi hoạt động giám định, như nêu trong 5.1.3a Where appropriate, inspection bodies shall define and document competence requirements for each inspection activity, as described in 5.1.3a
- 6.1.1b Với “nhân viên liên quan đến hoạt động giám định”, xem 5.2.7a For “personnel involved in inspection activities”, see 5.2.7a.
- 6.1.1c Các yêu cầu năng lực cần phải bao gồm kiến thức về hệ thống quản lý của tổ chức giám định và khả năng thực hiện các thủ tục hành chính cũng như các quy trình kỹ thuật được áp dụng cho các hoạt động được thực hiện. Competence requirements should include knowledge of the inspection body’s management system and ability to implement administrative as well as technical procedures applicable to the activities performed.
- 6.1.1d Khi cần phải đánh giá chuyên nghiệp để xác định sự phù hợp, việc này phải được xem xét khi xác định các yêu cầu về năng lực. When professional judgment is needed to determine conformity, this shall be considered when defining competence requirements.
- 6.1.2a Tất cả các yêu cầu của ISO/IEC 17020 áp dụng như nhau cho cả nhân viên ký hợp đồng không thời hạn và có thời hạn. All requirements of ISO/IEC 17020 apply equally for both employed and contracted persons.
- VIAS không công nhận nếu công việc giám định chỉ do nhân viên hợp đồng thời vụ thực hiện. VIAS does not recognize inspection activities which are conducted by partime employees.
- 6.1.5a Thủ tục để chính thức ủy quyền cho các giám định viên cần phải qui định các nội dung chi tiết được lập thành văn bản, VD: hoạt động giám định được ủy quyền, bắt đầu hiệu lực ủy quyền, các thông tin cá nhân của người được ủy quyền, ngày chấm dứt việc ủy quyền, nếu có. The procedure for formally authorising inspectors should specify that the relevant details are documented, e.g. the authorised inspection activity, the beginning of the authorisation, the identity of the person who performed the authorisation and, where appropriate, the termination date of the authorisation.
- 6.1.6a “Thời gian làm việc dưới sự hướng dẫn” như đề cập trong mục b thông thường bao gồm các hoạt động giám định được thực hiện. The “mentored working period” mentioned in item b normally includes activities where inspections are performed.

- 6.1.7a Việc xác định nhu cầu đào tạo cho mỗi người cần phải tiến hành theo chu kỳ thường xuyên. Chu kỳ đào tạo cần được lựa chọn để đảm bảo thực hiện điều 6.1.6c. Kết quả của việc tổng kết hoạt động đào tạo, ví dụ các kế hoạch đào tạo thêm hoặc một báo cáo cần phải rõ ràng không yêu cầu đào tạo thêm, cũng cần phải lập thành văn bản.
- 6.1.8a Mục đích chính của yêu cầu theo dõi là cung cấp cho tổ chức giám định công cụ để đảm bảo tính nhất quán và tin cậy của các kết quả giám định, bao gồm các đánh giá chuyên nghiệp dựa trên các chuẩn mực chung. Việc theo dõi có thể dẫn đến xác định nhu cầu đào tạo cá nhân hoặc nhu cầu tìm hiểu hệ thống quản lý của tổ chức giám định.
- 6.1.8b Xem điều 5.2.7a đối với “nhân viên liên quan trong hoạt động giám định”,
- 6.1.9a Để xem xét một cách đầy đủ, bằng chứng của việc giám định viên liên tục thực hiện công việc một cách thành thạo cần phải chứng minh bằng việc kết hợp các thông tin như:
- đáp ứng yêu cầu các kỳ kiểm tra và xác định,
  - có kết quả tích cực sau khi tổng kết báo cáo, phỏng vấn, giám định mô phỏng và các hoạt động đánh giá khác (xem phần lưu ý điều 6.1.8),
  - có kết quả tích cực sau khi đánh giá để xác nhận kết quả giám định (điều này có thể và thích hợp trong trường hợp ví dụ như giám định các hồ sơ xây dựng),
  - có kết quả tích cực sau khi hướng dẫn và đào tạo,
  - không có đơn từ yêu cầu xem xét lại hoặc khiếu nại; và
  - có kết quả đạt yêu cầu được cơ quan có thẩm quyền chứng kiến, VD: tổ chức chứng nhận con người.
- Identification of training needs for each person should take place at regular intervals. The interval should be selected to ensure fulfilment of clause 6.1.6 item c. The results of the review of training, e.g. plans for further training or a statement that no further training is required, should be documented.
- A major aim of the monitoring requirement is to provide the inspection body with a tool to ensure the consistency and reliability of inspection outcomes, including any professional judgments against general criteria. Monitoring may result in the identification of needs for individual training or needs for review of the inspection body’s management system.
- For “other personnel involved in inspection activities”, see 5.2.7a.
- To be considered sufficient, the evidence that the inspector is continuing to perform competently should be substantiated by a combination of information such as:
- satisfactory performance of examinations and determinations,
  - positive outcome of report reviews, interviews, simulated inspections and other performance assessments (see note to clause 6.1.8),
  - positive outcome of separate evaluations to confirm the outcome of the inspections (this may be possible and appropriate in the case of e.g. the inspection of construction documentation),
  - positive outcome of mentoring and training,
  - absence of legitimate appeals or complaints, and
  - satisfactory results of witnessing by a competent body, e.g. a certification body for persons.

- 6.1.9b Một chương trình có hiệu lực để thực hiện việc chứng kiến hiện trường các giám định viên phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu của điều 5.2.2 và 6.1.3. Chương trình đánh giá này cần phải xem xét đến:
- các rủi ro và mức độ phức tạp của việc giám định,
  - các kết quả của hoạt động theo dõi trước đó, và
  - xây dựng các quy định kỹ thuật, thủ tục hoặc pháp luật liên quan đến hoạt động giám định.
- Tần suất đánh giá hiện trường phụ thuộc vào các vấn đề được liệt kê ở trên, nhưng nên tối thiểu ít nhất một lần trong chu kỳ đánh giá lại, tuy nhiên cần xem phần lưu ý áp dụng ở điều 6.1.9a. Nếu mức độ rủi ro và tính phức tạp, hoặc nếu có các thay đổi về kỹ thuật, thủ tục và pháp luật, thì cần phải xem xét đến tần suất cao hơn. Tùy thuộc vào lĩnh vực, loại và nội dung giám định được ủy quyền của giám định viên, có thể tiến hành nhiều hơn một cuộc đánh giá hiện trường cho mỗi giám định viên để bao quát đầy đủ phạm vi năng lực theo yêu cầu. Đồng thời có thể tiến hành đánh giá hiện trường nhiều hơn nếu thiếu bằng chứng của việc liên tục thực hiện đáp ứng yêu cầu.
- An effective program for the on-site observation of inspectors may contribute to fulfil the requirements in clauses 5.2.2 and 6.1.3. The program should be designed considering:
- the risks and complexities of the inspections,
  - results of previous monitoring activities, and
  - technical, procedural or legislative developments relevant to the inspections
- The frequency of on-site observations depends on the issues listed above, but should be at least once during the accreditation re-assessment cycle, however see application note 6.1.9a. If the levels of risks or complexities, or the results from previous observations, so indicate, or if technical, procedural or legislative changes have occurred, then a higher frequency should be considered. Depending on the fields, types and ranges of inspection covered by the inspector's authorisations, there may be more than one observation per inspector necessary to adequately cover the whole range of required competencies. Also, more frequent on-site observations may be necessary if there is lack of evidence of continuing satisfactory performance.
- 6.1.9c Trong phạm vi giám định khi tổ chức giám định chỉ có một người có năng lực kỹ thuật thì việc đánh giá hiện trường nội bộ không thể thực hiện. Trong trường hợp này, tổ chức giám định phải bố trí một cơ quan độc lập chứng kiến tại chỗ, trừ khi có bằng chứng hỗ trợ đầy đủ rằng giám định viên liên tục thực hiện công việc thành thạo (xem điều 6.1.9a).
- In inspection areas where the inspection body has only one technically competent person the internal observation on-site cannot take place. In such cases the inspection body shall have arrangements in place for external observations on-site, unless other sufficient supporting evidence that the inspector is continuing to perform competently is available (see 6.1.9a)
- 6.1.10a Hồ sơ quyền hạn cần nêu rõ việc ủy quyền được thực hiện trên cơ sở nào ( VD: việc đánh giá hiện trường việc giám định)
- Records of authorisation should specify the basis on which authorisation was granted (e.g. the on-site observation of inspections)

- 6.1.11a Các hình thức trả lương mà đưa ra chính sách ưu đãi để thực hiện giám định nhanh có khả năng ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng và kết quả công việc giám định. Remuneration methods that provide incentives to perform inspections quickly have the potential to negatively affect the quality and outcome of inspection work.
- 6.1.12a Các chính sách và thủ tục cần phải hỗ trợ nhân sự của tổ chức giám định trong việc xác định và giải quyết các trường hợp có các mối nguy về thương mại, tài chính hoặc các mối nguy khác hoặc các nguy cơ khác có thể ảnh hưởng đến tính khách quan, có thể từ bên trong hoặc bên ngoài tổ chức giám định. Những thủ tục này cần chỉ rõ các xung đột về lợi ích được nhân sự của tổ chức giám định báo cáo và ghi nhận. Tuy nhiên lưu ý rằng dù kỳ vọng về tính chính trực của giám định viên có thể được truyền đạt thông qua chính sách và thủ tục thì sự tồn tại của các tài liệu này không ám chỉ sự hiện diện của tính minh bạch và khách quan theo yêu cầu của điều khoản này. Policies and procedures should assist inspection body personnel in identifying and addressing commercial, financial or other threats or inducements which could affect their impartiality, whether they originate inside or outside the inspection body. Such procedures should address how any conflicts of interests identified by personnel of the inspection body are reported and recorded. Note, however, that while expectations for inspector integrity can be communicated by policies and procedures, the existence of such documents may not signal the presence of integrity and impartiality required by this clause.

**Yêu cầu nguồn lực – Cơ sở vật chất và trang thiết bị**  
**Resource requirements - Facilities and equipment**

- 6.2.1a Các thiết bị cần thiết để thực hiện việc giám định một cách an toàn bao gồm các thiết bị như thiết bị an toàn cá nhân hay giàn giáo. TCGĐ không nhất thiết phải là chủ sở hữu cơ sở vật chất và thiết bị mà nó sử dụng. Cơ sở vật chất và thiết bị có thể mượn và/ hoặc thuê theo hợp đồng. Tuy nhiên, TCGĐ chịu trách nhiệm về sự thích hợp và tình trạng hiệu chuẩn của các thiết bị dùng cho công việc giám định thuộc hoặc không thuộc sở hữu của TCGĐ và không thể ủy thác trách nhiệm này. TCGĐ phải qui định việc tiếp cận với thiết bị và phù hợp với yêu cầu của TCVN ISO/IEC 17020. Equipment required to carry out inspection in a safe manner may include e.g. personal protective equipment and scaffolding. The inspection body need not be the owner of the facilities or equipment that it uses. Facilities and equipment may be borrowed, rented, hired, leased or provided by another party (e.g. the installer of the equipment). In all cases access to the equipment must be defined and meet the requirements of ISO/IEC 17020. However, the responsibility for the suitability and the calibration status of the equipment used in inspection, whether owned by the inspection body or not, lies

solely with the inspection body.

- 6.2.3a Nếu các điều kiện môi trường cần được kiểm soát, ví dụ như để thực hiện một cách chính xác việc giám định, tổ chức giám định phải theo dõi các điều kiện môi trường và ghi lại các kết quả. Nếu các điều kiện vượt quá giới hạn cho phép để tiến hành giám định, tổ chức giám định phải ghi lại các hoạt động nào đã được tiến hành. Đề nghị xem thêm ở phần 8.7.4.
- If controlled environmental conditions are needed, e.g. for the correct performance of the inspection, the inspection body shall monitor these and record the results. If conditions were outside acceptable limits for the inspection to be performed, the inspection body shall record what action was taken. See also clause 8.7.4.
- 6.2.3b Tính phù hợp liên tục có thể được hình thành bằng cách kiểm tra ngoại quan, kiểm tra chức năng và/hoặc hiệu chuẩn lại. Yêu cầu này đặc biệt thích hợp đối với các thiết bị không còn thuộc quyền kiểm soát trực tiếp của tổ chức giám định.
- Continued suitability may be established by visual inspection, functional checks and/or recalibration. This requirement is particularly relevant for equipment that has left the direct control of the inspection body.
- 6.2.4a Để theo dõi khi nào các hạng mục được thay thế, cần có việc xác định duy nhất hạng mục thiết bị ngay cả khi chỉ có một hạng mục.
- In order to enable tracking when items are replaced, the unique identification of an item of equipment may be appropriate even when there is only one item available.
- 6.2.4b Khi các điều kiện môi trường cần được kiểm soát, các thiết bị được sử dụng để theo dõi các điều kiện đó cần được xem là thiết bị có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả giám định.
- When controlled environmental conditions are needed, the equipment used to monitor such conditions should be considered as equipment that significantly influences the result of inspections.
- 6.2.4c Khi thích hợp (thông thường đối với thiết bị nêu trong điều 6.2.6), việc xác định phải bao gồm độ chính xác và phạm vi đo đúng theo yêu cầu
- When appropriate (normally for the equipment covered by clause 6.2.6) the definition shall include the required accuracy and measurement range.
- 6.2.6a Các minh chứng cho việc các thiết bị kiểm tra không được hiệu chuẩn có tác động đáng kể đến kết quả giám định (xem khoản 6.2.4) cần được ghi nhận.
- The justification for not calibrating equipment that has a significant influence on the outcome of inspection (see clause 6.2.4) should be recorded.

- 6.2.6b Hướng dẫn về việc xác định chu kỳ hiệu chuẩn theo các tài liệu Yêu cầu bổ sung lĩnh vực thử nghiệm, như: AGL02, AGL03, AGL04, AGL05, AGL06, AGL07, AGL08, AGL09. Các thiết bị / phương tiện đo thuộc danh mục phương tiện đo phải kiểm định do Bộ Khoa học công nghệ ban hành, theo chu kỳ kiểm định đã qui định.
- Guidelines on how to determine calibration intervals found in the Suplimentary requirements, such as: AGL02, AGL03, AGL04, AGL05, AGL06, AGL07, AGL08, AGL09. The equipments on the list of equipments shall be verified which is issued by Ministry of Science and Technology, the calibration and/ or verification frequency according to the relevant measurement legal documents.
- 6.2.7a TCGĐ có thể thực hiện việc hiệu chuẩn nội bộ thiết bị được sử dụng cho các phép đo. Tuy nhiên, việc hiệu chuẩn nội bộ này phải đảm bảo liên kết chuẩn đo lường và tổ chức giám định phải có bằng chứng được công nhận phù hợp với ISO/IEC 17025.
- The Inspection bodies may perform in-house calibration of equipement used for measurements. However, that in-house calibration services are performed in accordance with metrological traceability and the Insection body shall be accredited according to ISO/IEC 17025.
- 6.2.7b Các thiết bị, dụng cụ, phương tiện đo liên quan đến kết quả giám định phải tuân thủ theo Chính sách liên kết chuẩn đo lường -*APL 02* và các qui định về đo lường pháp quyền.
- The devices relavant to inspection reports shall according to the Measurement tracealility policy- APL2 and the relavant measurement legal documents.
- Các thiết bị, dụng cụ, phương tiện đo phải được truyền chuẩn trực tiếp từ chuẩn Quốc gia, từ các phòng hiệu chuẩn được công nhận theo ISO/IEC 17025 hoặc các phòng hiệu chuẩn được công nhận bởi tổ chức công nhận ký thừa nhận lẫn nhau APLAC-MRA, ILAC-MRA.
- The devices shall be calibrated by calibration services: BOA's accredited calibration laboratory; Calibration laboratory accredited by one of APLAC- MRA, ILAC-MRA members.
- 6.2.7c Khi việc liên kết tới chuẩn quốc gia hoặc quốc tế của thiết bị đo là không phù hợp, việc tham gia chương trình so sánh tương ứng hoặc thử nghiệm thành thạo là một ví dụ để có bằng chứng về sự tương quan hoặc chính xác của kết quả giám định.
- Where traceability to national or international standards of measurement is not applicable, the participation in relevant comparison programs or proficiency tests is an example of how to obtain evidence of correlation or accuracy of inspection results.
- 6.2.8a Khi các tổ chức giám định sử dụng các chuẩn để hiệu chuẩn các thiết bị / dụng cụ làm việc, các
- When inspection bodies use reference standards of measurement to calibrate working instruments

	chuẩn phải có độ chính xác cao hơn yêu cầu của thiết bị/ dụng cụ làm việc được sử dụng để hiệu chuẩn.	the reference standards of measurement should have a higher degree of accuracy than that required of the working instruments they are used to calibrate.
6.2.9a	Khi thiết bị phải qua kiểm tra giữa các kỳ hiệu chuẩn, nội dung kiểm tra, tần suất và chuẩn mực chấp nhận cần được xác định.	Where equipment is subjected to in-service checks between regular recalibrations, the nature of such checks, the frequency and acceptance criteria should be defined.
6.2.10a	Các thông tin được cung cấp trong các điều 6.2.7a, 6.2.7b và 6.2.7c cho các chương trình hiệu chuẩn thiết bị thì cũng có giá trị cho chương trình hiệu chuẩn các (mẫu) chuẩn.	The information provided in 6.2.7a, 6.2.7b and 6.2.7c for programs of calibration of equipment is valid also for programs of calibration of reference materials.
6.2.11a	Khi tổ chức giám định thuê các nhà cung cấp thực hiện các hoạt động không nằm trong hoạt động giám định, nhưng liên quan tới kết quả của các hoạt động giám định, ví dụ: đăng ký lệnh, văn thư, giao nhận các dịch vụ phụ trợ trong quá trình giám định, soạn thảo các báo cáo giám định hoặc các dịch vụ hiệu chuẩn, thì các hoạt động đó được bao trùm trong thuật ngữ “dịch vụ” sử dụng trong điều khoản này.	When the inspection body engages suppliers to perform activities which do not include the performance of part of the inspection, but which are relevant for the outcome of inspection activities, e.g. order registration, archiving, delivery of auxiliary services during an inspection, the editing of inspection reports or calibration services, such activities are covered by the term “services” used in this clause.
6.2.11b	Thủ tục kiểm tra cần phải đảm bảo rằng hàng hóa và dịch vụ đầu vào không được sử dụng cho đến khi được xác định phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật.	The verification procedure should ensure that incoming goods and services are not used until conformance with specification has been verified.
6.2.13a	Các yếu tố cần được xem xét để bảo vệ tính toàn vẹn và an toàn của dữ liệu bao gồm: - thực hành sao lưu dữ liệu và tần suất sao lưu dữ liệu, - hiệu quả của việc khôi phục lại dữ liệu từ sao lưu dữ liệu, - bảo vệ chống virus, và - bảo vệ bằng mật khẩu.	Factors that should be considered in protecting the integrity and security of data include; - backup practices and frequencies, - effectiveness in restoring data from backup, - virus protection, and - password protection.

**Yêu cầu về nguồn lực – Thầu phụ**

**Resource requirements - Subcontracting**

- 6.3.1a Hoạt động giám định có thể trùng lặp với các hoạt động thử nghiệm và chứng nhận khi những hoạt động này có các đặc trưng chung (xem trong phần Lời giới thiệu của ISO/IEC 17020). Ví dụ, việc kiểm tra một sản phẩm và thử nghiệm cùng sản phẩm đó có thể đều là cơ sở để xác định sự phù hợp trong một qui trình giám định. Cần lưu ý rằng, khi việc thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng hoặc là một phần của hoạt động giám định, tổ chức thử nghiệm phải hoạt động phù hợp với ISO/IEC 17025 hoặc ISO 15189.
- 6.3.1b Với định nghĩa (ISO/IEC 17011, khoản 3.1), việc công nhận được giới hạn theo các nhiệm vụ đánh giá sự phù hợp mà tổ chức giám định đã thể hiện năng lực thực hiện của bản thân. Vì thế, không thể công nhận cho các hoạt động nêu trong điểm thứ tư của Chú thích 1, nếu tổ chức giám định không có năng lực và/hoặc nguồn lực theo yêu cầu. Tuy nhiên, nhiệm vụ đánh giá và giải thích các kết quả của hoạt động đó với mục đích xác định sự phù hợp có thể bao gồm trong phạm vi công nhận, miễn là năng lực phù hợp với yêu cầu này đã được thể hiện.
- 6.3.3a Trong Chú thích 2 của phần định nghĩa, khái niệm “giám định” tại khoản 3.1 nêu rằng trong một vài trường hợp giám định có thể chỉ là kiểm tra mà không cần xác định sự phù hợp. Trong các trường hợp đó, khoản 6.3.3 không áp dụng bởi vì không xác định sự phù hợp.
- Inspection activities can overlap with testing and certification activities where these activities have common characteristics (See Introduction of ISO/IEC 17020). For example, examination of a product and testing of the same product can both be the basis for the determination of conformity in an inspection process. It should be noted that ISO/IEC 17020 specifies requirements for bodies performing inspection, whereas the relevant standard to apply for bodies performing testing is ISO/IEC 17025 or ISO 15189.
- By definition (ISO/IEC 17011, clause 3.1), accreditation is limited to conformity assessment tasks which the inspection body has demonstrated competence to perform itself. Thus, accreditation cannot be granted for activities referred to in the fourth bullet point under note 1, if the inspection body does not have the required competence and/or resources. However, the task of assessing and interpreting the results of such activities for the purpose of determining conformity may be included in the scope of accreditation, provided adequate competence for this has been demonstrated.
- In note 2 to the definition of “inspection” in clause 3.1 it is indicated that in some cases inspection may be examination only, without a subsequent determination of conformity. In such cases clause 6.3.3 does not apply since there is no determination of conformity.



6.3.4a	<p>Nếu việc đánh giá năng lực của nhà thầu phụ dựa một phần hoặc toàn bộ phạm vi năng lực nhà thầu phụ được công nhận, thì tổ chức giám định cần bảo đảm rằng các hoạt động được thầu phụ thuộc phạm vi đã được công nhận của nhà thầu phụ.</p> <p>VIAS không công nhận hoạt động giám định nếu hoàn toàn do nhà thầu phụ thực hiện.</p>	<p>If the evaluation of the competence of the subcontractor is based partly or in full on its accreditation, the inspection body shall ensure that the scope of the subcontractor's accreditation covers the activities to be subcontracted.</p> <p>VIAS does not recognize inspection activities which are conducted by subcontracts entirely.</p>
--------	--	---

**Các yêu cầu về quá trình – Phương pháp và thủ tục giám định**  
**Process requirements - Inspection methods and procedures**

7.1.5a	<p>Khi thích hợp, hợp đồng hoặc hệ thống kiểm soát hợp đồng hoặc yêu cầu giám định cần đảm bảo rằng:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- các điều kiện hợp đồng được thỏa thuận</li><li>- năng lực của nhân viên là thích hợp</li><li>- xác định các yêu cầu theo qui định</li><li>- xác định các yêu cầu về an toàn</li><li>- xác định các mức độ các thỏa thuận hợp đồng thầu phụ theo yêu cầu</li></ul> <p>Đối với các công việc lặp lại hoặc theo công việc hàng ngày, việc kiểm tra có thể giới hạn về thời gian xem xét và nguồn nhân lực. Một báo cáo được chấp nhận trong các trường hợp đó có thể là một bản ký kết hợp đồng của người được ủy quyền.</p>	<p>Where appropriate the contract or work order control system should also ensure that:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- contract conditions are agreed</li><li>- personnel competence is adequate</li><li>- any statutory requirements are identified</li><li>- safety requirements are identified</li><li>- the extent of any subcontracting arrangements required is identified</li></ul> <p>For routine or repeat work requests the review may be limited to considerations of time and human resources. An acceptable record in such cases would be an acceptance of the contract signed by an appropriately authorised person.</p>
7.1.5b	<p>Trong trường hợp các yêu cầu giám định qua trao đổi miệng được chấp nhận, tổ chức giám định phải ghi nhận hồ sơ toàn bộ các yêu cầu và chỉ dẫn nhận được. Nếu cần, các thông tin về ngày tháng và thông tin cá nhân của đại diện khách hàng cũng cần được ghi nhận.</p>	<p>In situations where verbal work orders are acceptable, the inspection body shall keep a record of all requests and instructions received verbally. Where appropriate, the relevant dates and the identity of the client's representative should be recorded.</p>
7.1.5c	<p>Hệ thống kiểm soát hợp đồng hoặc yêu cầu giám định cần đảm bảo được hiểu rõ giữa tổ chức giám định và khách hàng về phạm vi của công việc giám định do tổ chức giám định tiến hành.</p>	<p>The contract or work order control system should ensure that there is a clear and demonstrable understanding between the inspection body and its client of the scope of the</p>

inspection work to be undertaken by the inspection body.

- 7.1.6a Các thông tin liên quan đến điều khoản này không phải là các thông tin do nhà thầu phụ cung cấp mà là thông tin nhận được từ các bên khác, ví dụ như cơ quan có thẩm quyền hoặc khách hàng của tổ chức giám định. Các thông tin này có thể bao gồm các dữ liệu liên quan đến yêu cầu của hoạt động giám định, nhưng không phải là kết quả của hoạt động giám định.
- The information referred to in this clause is not information provided by a subcontractor, but information received from other parties, e.g. a regulating authority or the client of the inspection body. The information may include background data for the inspection activity, but not results of the inspection activity.

### **Các yêu cầu về quá trình – Hồ sơ giám định**

#### **Process requirements - Inspection records**

- 7.3.1a Các hồ sơ giám định cần thể hiện rõ bộ phận nào của thiết bị có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả giám định đã được sử dụng cho mỗi hoạt động giám định.
- The records should indicate which particular item of equipment, having a significant influence on the result of the inspection, has been used for each inspection activity.

### **Các yêu cầu về quá trình - Báo cáo và chứng thư giám định**

#### **Process requirements - Inspection reports and inspection certificates**

- 7.4.2a Tài liệu AG 01 Hướng dẫn sử dụng Logo và dấu công nhận, đưa ra các quy định cho việc sử dụng các biểu tượng công nhận trên các báo cáo và chứng thư giám định. Khi TCGĐ viện dẫn dấu hiệu công nhận trong các báo cáo và chứng thư giám, tổ chức giám định chịu trách nhiệm rõ ràng:
- Khi không được công nhận cho các dịch vụ/thử nghiệm được liệt kê trong các báo cáo và chứng thư giám định (xem toàn văn trong phần 8.1), và
  - Khi các báo cáo và chứng thư giám định đã bao gồm hoặc dựa trên các kết quả từ các nhà thầu phụ không được công nhận (xem toàn bộ nội dung trong phần 9.3).
- AG 01 Guidance for the use of accreditation logo and symbols on reports and certificates. For endorsed reports and certificates, that is reports and certificates making reference to accreditation, inspection bodies shall include a clear disclaimer:
- when not accredited for services/tests listed on reports and certificates (see full text in section 8.1), and
  - when reports and certificates include or are based on results from unaccredited subcontractors (see full text in section 9.3).

- 7.4.4a Có thể xác định phương pháp giám định trong báo cáo/ chứng thư giám định khi thông tin này hỗ trợ trong việc giải thích các kết quả giám định một cách đúng đắn. It may be useful to identify the inspection method in the inspection report/certificate when this information supports an appropriate interpretation of the inspection results.

**Các yêu cầu hệ thống quản lý - Các lựa chọn**  
**Management system requirements - Options**

- 8.1.3a Nếu một tổ chức giám định tuyên bố rằng họ phù hợp với Lựa chọn B, tổ chức đó phải chứng minh rằng họ đã thiết lập một hệ thống quản lý phù hợp với ISO 9001, và hệ thống quản lý đó có khả năng hỗ trợ việc thực hiện đầy đủ các yêu cầu của ISO/IEC 17020. Các cơ quan công nhận phải xác minh các tuyên bố của tổ chức giám định cung cấp nhưng không đánh giá hệ thống quản lý ISO 9001. Phạm vi yêu cầu xác minh sẽ phụ thuộc vào các bằng chứng được cung cấp. Nếu hệ thống quản lý được chứng nhận bởi các tổ chức chứng nhận được công nhận, tổ chức công nhận vẫn sẽ cần xác minh sự phù hợp với điểm 8.1.3, nhưng không đánh giá lại các điều khoản 8.2 đến 8.8 của tiêu chuẩn. Nếu việc xác minh kết quả chỉ ra điều không phù hợp, thì những sự không phù hợp này nên được báo cáo theo qui định tại điều 8.1.3. If an inspection body claims that they comply with Option B, it needs to demonstrate that it has established a management system that complies with ISO 9001, and that the management system is capable of supporting the consistent fulfilment of the requirements of ISO/IEC 17020. The accreditation body shall verify the claims made by the inspection body but not assess (or audit) the ISO 9001 management system. The required extent of verification will depend on the evidence provided. If the management system is certified by an accredited certification body, the accreditation body will still need to verify compliance with 8.1.3, but not assess (or audit) against clauses 8.2 to 8.8 of the standard. If the verification results in the identification of nonconformities, these should be reported against clause 8.1.3.
- 8.1.3b Dù hệ thống quản lý ISO 9001 được xây dựng cho một tổ chức bao gồm các hoạt động khác không chỉ riêng hoạt động giám định thì hệ thống này phải luôn phù hợp cho các hoạt động của tổ chức giám định. Where the ISO 9001 management system is established for an entity that includes activities other than inspection, the system shall always appropriately cover the activities of the inspection body.
- 8.1.3c Lựa chọn B không yêu cầu hệ thống quản lý của tổ chức giám định phải được chứng nhận theo ISO 9001. Tuy nhiên, khi xác định phạm vi đánh giá theo yêu cầu, cơ quan công nhận nên xem xét liệu tổ chức giám định này đã được chứng nhận theo Option B does not require that the inspection body's management system is certified to ISO 9001. However, when determining the extent of required assessment, the accreditation body should take into consideration whether the

ISO 9001 bởi tổ chức chứng nhận được công nhận bởi cơ quan công nhận đã ký thỏa ước thừa nhận IAF MLA hoặc MLA khu vực cho hoạt động chứng nhận hệ thống quản lý hay không.

inspection body has been certified against ISO 9001 by a certification body accredited by an accreditation body which is a signatory to the IAF MLA, or to a regional MLA, for the certification of management systems.

#### **Các yêu cầu hệ thống quản lý – Tài liệu hệ thống quản lý (lựa chọn A)**

##### **Management system requirements - Management system documentation (Option A)**

- 8.2.4a Để dễ dàng tham chiếu, các tổ chức giám định cần nêu rõ nơi các yêu cầu nào của ISO/IEC 17020 đã được thực hiện, ví dụ bằng việc sử dụng bảng tham chiếu viện dẫn.
- For easy reference, it is recommended that the inspection body indicates where the requirements of ISO/IEC 17020 are addressed, e.g., by means of a cross reference table.

#### **Các yêu cầu hệ thống quản lý – Kiểm soát hồ sơ (lựa chọn A)**

##### **Management system requirements - Control of records (Option A)**

- 8.4.1a Yêu cầu này có nghĩa là tất cả các hồ sơ cần thiết để chứng minh sự phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn nên được lập thành văn bản và lưu giữ lại.
- This requirement means that all records needed to demonstrate compliance with the requirements of the standard shall be established and retained.
- 8.4.1b Trong trường hợp sử dụng các con dấu điện tử hoặc quyền được sử dụng cho việc phê duyệt điện tử, việc tiếp cận các phương tiện điện tử hoặc con dấu điện tử này phải được bảo đảm an toàn và có kiểm soát.
- In cases where electronic seals or authorizations are used for approvals, access to the electronic media or seal should be secure and controlled.

#### **Các yêu cầu hệ thống quản lý – Xem xét của lãnh đạo (lựa chọn A)**

##### **Management system requirements - Management review (Option A)**

- 8.5.1a Việc xem xét quá trình xác định các rủi ro về tính khách quan và các kết luận thu được (điểm 4.1.3/4.1.4) nên là một phần của cuộc họp xem xét của lãnh đạo hàng năm.
- A review of the impartiality risk identification process and its conclusions (clauses 4.1.3/4.1.4) should be part of the annual management review.
- 8.5.1b Xem xét của lãnh đạo nên có thông tin về mức độ đầy đủ của nguồn nhân lực và trang thiết bị hiện tại, khối lượng công việc dự kiến và nhu cầu đào tạo
- The management review should take into account information on the adequacy of current human and equipment resources, projected

của cả nhân viên mới và hiện có. workloads and the need for training of both new and existing staff.

- 8.5.1c Xem xét của lãnh đạo nên bao gồm cả việc xem xét về hiệu quả của hệ thống được thiết lập để đảm bảo năng lực thích hợp của nhân viên. The management review should include a review of the effectiveness of systems established to ensure adequate competence of the personnel.

**Các yêu cầu về hệ thống quản lý – Đánh giá nội bộ (lựa chọn A)**

**Management system requirements - Internal audits (option A)**

- 8.6.4a Tổ chức giám định phải đảm bảo rằng tất cả các yêu cầu của ISO/IEC 17020 được đề cập trong chương trình đánh giá nội bộ trong chu kỳ đánh giá công nhận lại. Các yêu cầu này phải được xem xét cho tất cả các lĩnh vực giám định và tất cả các cơ sở nơi mà hoạt động chính được thực hiện (xem IAF/ILAC A5). The inspection body shall ensure that all requirements of ISO 17020 are covered by the internal audit program within the accreditation re-assessment cycle. The requirements to be covered shall be considered for all fields of inspection and for all premises where key activities are performed (see IAF/ILAC A5).

Tổ chức giám định phải xác định được tần suất đánh giá cho từng loại yêu cầu, lĩnh vực giám định và các cơ sở thực hiện các hoạt động chính khác nhau. Việc xác định này nên dựa được dựa trên các yêu tố như: The inspection body shall justify the choice of audit frequency for different types of requirements, fields of inspection and premises where key activities are performed. The justification may be based on considerations such as:

- mức độ rủi ro;
  - thời kỳ hoạt động;
  - các hoạt động trước đây;
  - thay đổi về tổ chức;
  - thay đổi về thủ tục, và
  - hiệu quả của hệ thống để chuyển đổi kinh nghiệm giữa các địa điểm hoạt động khác nhau và giữa các lĩnh vực hoạt động khác nhau.
- criticality,
  - maturity,
  - previous performance,
  - organisational changes,
  - procedural changes, and
  - efficiency of the system for transfer of experience between different operational sites and between different fields of operation.

- 8.6.5a Nhân sự ký hợp đồng ngoài có đủ năng lực có thể thực hiện đánh giá nội bộ. Competent externally contracted personnel may carry out internal audits.

**Yêu cầu hệ thống quản lý – Hành động phòng ngừa (lựa chọn A)**

**Management system requirements - Preventive actions (Option A)**

- 8.8.1a Các hành động phòng ngừa được thực hiện trong quá trình chủ động xác định các điểm không phù hợp tiềm ẩn và các cơ hội cải tiến chứ không phải như là hành động phản hồi khi xác định được các điểm không phù hợp, các vấn đề hoặc các khiếu nại.
- Preventive actions are taken in a pro-active process of identifying potential nonconformities and opportunities for improvement rather than as a reaction to the identification of non-conformities, problems or complaints.

### **Thử nghiệm thành thạo Proficiency Testing**

TCGD phải có chính sách bằng văn bản về việc sẵn sàng tham gia thử nghiệm thành thạo đối với hoạt động giám định, nếu có.

An applicant body for inspection shall have a documented policy on proficiency of certain type of inspection where relevant proficiency testing activities are available.

### **Phụ lục A – Các yêu cầu về độc lập của tổ chức giám định Annex A Independence requirements for inspection bodies**

- Aa Phụ lục A.1 và A.2 của ISO/IEC 17020 đề cập đến cụm từ “đối tượng giám định” liên quan đến tổ chức giám định loại A và loại B. Phụ lục A.1b nêu rằng “Cụ thể, họ không được tham gia vào thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt, mua, sở hữu, sử dụng hay bảo trì đối tượng được giám định.”. Phụ lục A.2 c nêu rằng “Cụ thể, họ không được tham gia vào thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt, sử dụng hay bảo trì đối tượng giám định”. Ý nghĩa của từ “họ” trong câu trên là đề cập đến các tổ chức giám định liên quan và nhân sự của các tổ chức này. Các đối tượng trong trường hợp này là các đối tượng mà được nêu trong giấy chứng nhận/phụ lục của tổ chức giám định tương ứng với phạm vi được công nhận của tổ chức giám định (ví dụ bình áp suất).
- Annex A.1 and A.2 of ISO/IEC 17020 refer to the phrase “items inspected” with respect to Type A and Type B inspection bodies. In Annex A.1 b it is stated that “In particular they shall not be engaged in the design, manufacture, supply, installation, purchase, ownership, use or maintenance of the items inspected”. In Annex A.2 c it is stated that “In particular they shall not be engaged in the design, manufacture, supply, installation, use or maintenance of the items inspected”. The reference to “they” in the above sentences is a reference to the inspection body concerned and its personnel. The items in this case are those items that are specified in the accreditation body’s certificate/annex with respect to the accredited scope of the inspection body (e.g. pressure vessels).

Ab

Mục d) đề cập đến các vấn đề liên quan tới các mối liên kết của các pháp nhân riêng biệt tham gia vào thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt, mua, sở hữu, sử dụng hay bảo trì đối tượng giám định. Các mối liên kết này bao gồm chủ sở hữu chung và những người được bổ nhiệm của chủ sở hữu chung vào ban quản lý hoặc tương tự. Các mối liên kết này là có thể được chấp nhận nếu cá nhân tham gia không có khả năng ảnh hưởng đến kết quả của việc giám định. Đặc biệt ở đây có khả năng ảnh hưởng đến kết quả của một kỳ giám định nếu cá nhân có khả năng :

Under bullet point d) reference is made to linkages to separate legal entities engaged in the design, manufacture, supply, installation, purchase, ownership, use or maintenance of the items inspected. Such linkages include common owners and common owners' appointees on boards or equivalent. These linkages are acceptable if persons involved do not have the possibility to influence the outcome of an inspection. In particular there exists a possibility to influence the outcome of an inspection if the person has the ability to;

- ảnh hưởng đến việc lựa chọn kiểm tra viên cho các nhiệm vụ đặc biệt đã được phân công hoặc các khách hàng, hoặc

- influence the selection of inspectors for specific assignments or customers, or

- ảnh hưởng đến các quyết định về tính phù hợp trong các nhiệm vụ đặc biệt đã được phân công, hoặc

- influence decisions on conformity in specific inspection assignments, or

- ảnh hưởng đến việc trả công cho cá nhân các giám định viên, hoặc

- influence remuneration for individual inspectors, or

- ảnh hưởng đến việc trả công cho các nhiệm vụ đặc biệt đã được phân công hoặc các khách hàng, hoặc đề xướng sử dụng các thông lệ làm việc thay thế để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt đã được phân công.

- influence remuneration for specific assignments or customers, or initiate the use of alternative work practices for specific assignments.

## TÀI LIỆU THAM CHIẾU

### 6. REFERENCES

- |      |  |   |
|------|--|---|
| 6.1  | ISO/IEC 17000 Đánh giá sự phù hợp – Từ vựng và các nguyên tắc chung.   | ISO/IEC 17000 Conformity assessment Vocabulary and general principles.  |
| 6.2  | ISO/IEC 17011 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung đối với cơ quan công nhận các tổ chức đánh giá sự phù hợp.   | ISO/IEC 17011 Conformity assessment - General requirements for accreditation bodies accrediting conformity assessment bodies.   |
| 6.3  | ISO/IEC 17020 Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu về hoạt động của các tổ chức tiến hành giám định.  | ISO/IEC 17020 Conformity assessment - Requirements for the operation of various types of bodies performing inspection.  |
| 6.4  | ISO/IEC 17025 Yêu cầu chung về năng lực của phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn   | ISO/IEC 17025 General requirements for the competence of testing and calibration laboratories   |
| 6.5  | ISO 15189 Phòng xét nghiệm y tế - Yêu cầu về chất lượng và năng lực  | ISO 15189 Medical laboratories - Requirements for quality and competence  |
| 6.6  | ISO 9001 Hệ thống quản lý chất lượng – Các yêu cầu   | ISO 9001 Quality management systems – Requirements  |
| 6.7  | IAF/ILAC A2 IAF/ILAC Các thỏa thuận thừa nhận đa phương - Các yêu cầu và thủ tục đánh giá (một) tổ chức công nhận.   | IAF/ILAC A2 IAF/ILAC Multi-lateral mutual recognition arrangements (Arrangements) : Requirements and procedures for evaluation of a single accreditation body   |
| 6.8  | IAF/ILAC A5 IAF/ILAC Các thỏa thuận thừa nhận đa phương: Áp dụng ISO/IEC 17011:2004  | IAF/ILAC A5 IAF/ILAC Multi-lateral mutual recognition arrangements (Arrangements): Application of ISO/IEC 17011:2004  |
| 6.9  | ILAC P8 ILAC Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau: Các yêu cầu bổ sung và hướng dẫn sử dụng dấu hiệu công nhận và đòi hỏi về tình trạng công nhận của phòng thử nghiệm và tổ chức giám định được công nhận. | ILAC P8 ILAC Mutual recognition arrangement (Arrangement): Supplementary requirements and guidelines for the use of accreditation symbols and for claims of accreditation status by accredited laboratories and inspection bodies |
| 6.10 | ILAC P10 Chính sách của ILAC về tính liên kết chuẩn của kết quả đo.  | ILAC P10 ILAC policy on traceability of measurement results   |
| 6.11 | ILAC G24 Hướng dẫn xác định chu kỳ hiệu chuẩn thiết bị đo.   | ILAC G24 Guidelines for the determination of calibration intervals of measuring instruments   |
| 6.12 | APL 02 Liên kết chuẩn đo lường   | APL 02 Measurement traceability policy  |
| 6.13 | AGL02 Yêu cầu bổ sung lĩnh vực thử nghiệm cơ   | AGL02 Mechanical Supplimentary Requirement  |
| 6.14 | AGL03 Yêu cầu bổ sung lĩnh vực thử nghiệm hóa  | AGL03 Chemical Supplimentary Requirement  |
| 6.15 | AGL04 Yêu cầu bổ sung lĩnh vực thử nghiệm sinh   | AGL04 Biological Supplimentary requirement for  |



---

6.16	AGL05 Yêu cầu bổ sung lĩnh vực thử nghiệm xây dựng	AGL05 Civil Engineering Suplimentary Requirement
6.17	AGL06 Yêu cầu bổ sung lĩnh vực thử nghiệm NDT	AGL06 NDT Suplimentary requirement
6.18	AGL07 Yêu cầu bổ sung lĩnh vực thử nghiệm điện-điện tử	AGL07 Electrical - Electronic Suplimentary Requirement
6.19	AGL08 Yêu cầu bổ sung lĩnh vực đo lường- hiệu chuẩn	AGL08 Measurement- Calibration Suplimentary Requirement
6.20	AGL09 Yêu cầu bổ sung lĩnh vực dược	AGL09 Phamaceutical Suplimentary Requirement
6.21	AG01 Hướng dẫn sử dụng dấu logo và dấu công nhận	AG01 Guidance for the use of accreditation logo and symbol